

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày: 03/7/2019
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn H2 (tên thường gọi: Sơn), sinh năm 1976 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H3, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp PTA, xã BPL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Mỹ H3 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc là 56.000.000đồng (Năm mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền ngày 09/11/2018 (dl), 18/11/2018 (dl), 11/11/2018 (âm lịch), 23/11/2018 (dl) (Bản chính).

Căn cứ nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vốn 56.000.000đồng (Năm mươi sáu triệu đồng), là do bị đơn có vay của nguyên đơn như sau:

- Lần 1: ngày 09/11/2018 bị đơn ông H2 và bà H3 có vay của nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng sẽ trả lại.

- Lần 2: ngày 18/11/2018 bị đơn ông H2 và bà H3 có vay của nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng sẽ trả lại.

- Lần 3: ngày 23/11/2018 bị đơn ông H2 và bà H3 có vay của nguyên đơn số tiền là 10.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng sẽ trả lại.

- Lần 4: ngày 17/12/2018 (nhằm ngày 11/11/2018 âm lịch) bị đơn ông H2 và bà H3 có vay của nguyên đơn số tiền là 6.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng sẽ trả lại.

Sau khi hết thời hạn vay, bị đơn vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Mỹ H3 biết việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 26/3/2019, 18/4/2019; phiên tòa ngày 11/6/2019 và phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn bảo lưu yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn ông H2 và bà H3 có nơi cư trú tại xã BP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị

đơn ông H2 và bà H3 đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập tham dự phiên tòa họp lệ hai lần vào các ngày 11/6/2019 và ngày hôm nay theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vào các ngày 09/11/2018, 18/11/2018, 11/11/2018 (âm lịch), 23/11/2018 bị đơn có vay của nguyên đơn với tổng số tiền là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng) là có thật. Bởi; sự việc này bị đơn có làm giấy mượn tiền và có ký tên xác nhận.

[2.2] Xét; việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông H2 và bà H3 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng), là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463; 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông H2 và bà H3 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Mỹ H3 có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 số tiền là 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị Mỹ H3 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.800.000đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006889, ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hùng